TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/HN-PT
Ngày 29/9/2020
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Lâm Đồng

Các Thẩm phán: Ông Trần Tuấn Quốc

Bà Trương Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Minh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2020/TBTL-TA ngày 06 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp ly hôn.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2020/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Cái Răng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 96/2020/QĐ-PT ngày 11 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Anh B, sinh năm 1983

Đăng ký thường trú: Số 29C, tổ 46, khu vực 7, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Bà Lê Thị Thủy T, sinh năm 1983

Đăng ký thường trú: Số 29C, tổ 46, khu vực 7, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

- Người kháng cáo: Ông Lê Anh B là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết nguyên đơn trình bày:

Ông B và bà T tự nguyện chung sống vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hưng Phú, quận Cái Răng vào ngày 27/12/2011. Ông B và bà T chung sống hạnh phúc được 01 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống giữa vợ chồng, vợ chồng thường xuyên cự cãi. Bà T thường xuyên chì chiết, trách móc những lỗi lầm trong quá khứ của ông B, bà T thường xuyên hỗn hào với cha mẹ ruột của ông B, nhiều lần ông B tìm cách khắc phục mâu thuẫn giữa vợ chồng nhưng không được.

Trong quá trình chung sống giữa ông B và bà T có với nhau 02 con chung tên Lê Ngọc Tuyết N, (nữ) sinh ngày 16/5/2012 và Lê Ngọc Tường O (nữ) sinh ngày 11/5/2014. Tài sản chung, nợ chung: không có.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, ông B yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Ông B yêu cầu ly hôn với bà Lê Thị Thủy T.

- Về con chung: Ông B yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung là Lê Ngọc Tuyết N, (nữ) sinh ngày 16/5/2012 và Lê Ngọc Tường O (nữ) sinh ngày 11/5/2014 đến trưởng thành, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Lê Thị Thủy T trình bày:

Về hôn nhân: Ông B và bà tự nguyện chung sống vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hưng Phú, quận Cái Răng vào ngày 27/12/2011. Ông B và bà T chung sống hạnh phúc được 02 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống giữa vợ chồng, vợ chồng không thường xuyên trò chuyện để chia sẻ với nhau trong cuộc sống, ông B không chăm lo, không quan tâm vợ con. Nhiều lần bà T tìm cách khắc phục mâu thuẫn để duy trì cuộc sống vợ chồng, chăm lo cho các con nhưng ông B không tha thiết.

Trong quá trình chung sống giữa ông B và bà T có với nhau 02 con chung tên Lê Ngọc Tuyết N, (nữ) sinh ngày 16/5/2012 và Lê Ngọc Tường O (nữ) sinh ngày 11/5/2014. Tài sản chung, nợ chung: không có.

Trước yêu cầu ly hôn của ông B, bà T có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Bà T không muốn ly hôn với ông B vì bà còn thương chồng, thương con.

- Về con chung: Nếu như ông B kiên quyết ly hôn, tòa án giải quyết ly hôn thì bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung là Lê Ngọc Tuyết N, (nữ) sinh ngày 16/5/2012 và Lê Ngọc Tường O (nữ) sinh ngày 11/5/2014 đến trưởng thành, yêu cầu ông B cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

- Tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các bên đều giữ phần trình bày và yêu cầu của mình.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 12/2020/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 5 năm 2020, Tòa án nhân dân quận Cái Răng đã tuyên xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 235, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về hôn nhân: Không chấp yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của ông Lê Anh B.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung của ông B và bà T, Hội đồng xét xử không xem xét. Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của nguyên đơn.

Ngoài ra, ản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo của các bên theo luật định.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 23/5/2020, nguyên đơn ông Lê Anh B kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu cho ông ly hôn với bà T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tại phiên tòa: Hoạt động tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về thời hạn kháng cáo của đương sự là hợp lệ và đúng thời hạn. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Anh B và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng sau khi Tòa án thụ lý có thực hiện thông báo thụ lý vụ án đến các đương sự đúng theo quy định.

[2] Về nội dung: Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày của các đương sự thấy rằng việc kết hôn giữa ông Lê Anh B và bà Lê Thị Thủy T do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hưng Phú, quận Cái Răng là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống hạnh phúc thì phát sinh

mâu thuẫn. Ông B cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn từ bất đồng quan điểm sống, do cách cư xử không đúng của bà T đối với cha mẹ chồng vì vậy ông kiên quyết ly hôn. Theo bà T trình bày mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là không lớn, nguyên nhân do vợ chồng không thường xuyên trò chuyện, chia sẻ với nhau trong cuộc sống, ông B không chăm lo, quan tâm vợ con, dù bà nhiều lần tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng ông B không tha thiết, bà T không đồng ý ly hôn, bà mong muốn được đoàn tụ để vợ chồng cùng chăm lo cho hai con chung. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông B và bà T là không lớn, chưa trầm trọng đến mức không thể khắc phục được, nhận thấy cần thiết tạo cơ hội để ông B và bà T khắc phục để hàn gắn tình cảm vợ chồng, cùng chăm lo cho hai con chung. Tại phiên tòa, ông B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, kiên quyết yêu cầu xin ly hôn nhưng không thể cung cấp được chứng cứ chứng minh mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng tới mức cần phải ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của ông Lê Anh B là có căn cứ, đúng pháp luật.

Do kháng cáo yêu cầu ly hôn của nguyên đơn không được chấp nhận nên yêu cầu về con chung, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng không đặt ra xem xét.

[2] Theo quan điểm của kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí, lệ phí: Do kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành, Tòa án không xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Anh B.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của ông Lê Anh B đối với bà Lê Thị Thủy T.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung không đặt ra xem xét giải quyết do Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn ông Lê Anh B.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành.

Về án phí phúc thẩm, do yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Anh B không được chấp nhận nên ông phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng. Được khấu trừ tiền tạm ứng án phí của ông B theo biên lai số 006134 ngày 12 tháng 6 năm 2020 tại Chi cục thi hành án quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ sang án phí. Ông B đã nộp xong án phí hôn nhân phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Lâm Đồng

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- Tòa án Q. Cái Răng;
- THA.DS-Q. Cái Răng;
- Lưu hồ sơ vụ án.